

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỤ BẢN
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2025/HS-ST

Ngày 12/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VỤ BẢN, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Đình Mạnh và bà Trần Thị Định.

- **Thư ký phiên tòa:** bà Trần Thị Thanh Thảo, là Thư ký viên của Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** ông Phạm Ngọc Dũng, là Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 21/2025/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 24/2025/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 4 năm 2025, đối với các bị cáo:

1. Hoàng Văn K1, sinh ngày 16 tháng 9 năm 1988, tại huyện V, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Lại Thị T (đã chết); có vợ là Vũ Thị H; có hai con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giam giữ từ ngày 17 tháng 12 năm 2024 đến ngày 26 tháng 12 năm 2024 chuyển tạm giam, đến ngày 24 tháng 01 năm 2025 thay thế biện pháp ngăn chặn sang bảo lãnh; có mặt.

2. Hoàng Văn T1, sinh ngày 10 tháng 01 năm 1988, tại huyện V, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Bùi Thị X; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25 tháng 12 năm 2024 đến nay; có mặt.

3. Triệu Đình H, sinh ngày 26 tháng 6 năm 1991, tại huyện V, tỉnh Nam

Định; nơi cư trú: thôn V, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Đình C và bà Hoàng Thị T; có vợ là Nguyễn Thị C; có hai con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25 tháng 12 năm 2024 đến nay; có mặt.

4. Trần Thành Đ, sinh ngày 05 tháng 11 năm 1994, tại huyện V, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: thôn T2, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L và bà Trần Thị D; có vợ là Trần Thị T; có một con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21 tháng 01 năm 2025 đến nay; có mặt.

5. Hoàng Văn Q, sinh ngày 02 tháng 12 năm 1986, tại huyện V, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: thôn T1, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và bà Lại Thị T (đã chết); chưa vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12 tháng 02 năm 2025 đến nay; có mặt.

6. Nguyễn Thị T2, sinh ngày 05 tháng 5 năm 1987, tại huyện V, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: đội G thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình L và bà Hoàng Thị T; có chồng là Nguyễn Doãn H; có ba con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 10 tháng 02 năm 2020, bị Công an xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh bạc dưới hình thức bán số lô, số đề; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21 tháng 01 năm 2025 đến nay; có mặt.

7. Hoàng Thành N, sinh ngày 22 tháng 01 năm 1999, tại huyện V, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: thôn T1, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn T và Phạm Thị P; có vợ là Vũ Thị Minh T; có hai con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 13 tháng 6 năm 2019, bị Công an huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh nhau gây thương tích; ngày 17 tháng 10 năm 2019, bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về “Tội bắt, giữ người trái pháp luật”; ngày 16 tháng 11 năm 2019, bị Công an huyện V, tỉnh Nam

Định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi đánh nhau gây thương tích; ngày 17 tháng 4 năm 2025, bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”; bị tạm giữ từ ngày 11 tháng 12 năm 2024, đến ngày 20 tháng 12 năm 2024 chuyển tạm giam; có mặt.

8. Hoàng Giang S1, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1996, tại huyện V, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: thôn T1, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Quốc Đ và bà Phạm Thị L; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đồng thời bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 21 tháng 01 năm 2025 đến nay; có mặt.

9. Triệu Quốc K2, sinh ngày 21 tháng 7 năm 1984, tại huyện V, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: thôn V, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Đình K (đã chết) và bà Lê Thị N; có vợ là Phạm Thị Lệ T; có hai con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25 tháng 12 năm 2024 đến nay; có mặt.

10. Hoàng Văn C, sinh ngày 15 tháng 9 năm 1978, tại huyện V, tỉnh Nam Định; nơi cư trú: thôn T1, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn A và bà Nguyễn Thị P; có vợ là Ngô Thị L; có năm con, con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 25 tháng 12 năm 2024 đến nay; có mặt.

11. Trần Văn S2, sinh ngày 21 tháng 6 năm 1989, tại huyện V, tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn P, xã G, huyện G, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay: thôn L, xã H, huyện V, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đức B và bà Phạm Thị Đ; có vợ là Quách Thị N; có hai con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 21 tháng 01 năm 2025 đến nay; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11 tháng 12 năm 2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đã ra quyết định tạm giữ đối với bị cáo Hoàng Thành N để điều tra về hành vi mua bán trái phép chất ma túy vào ngày 10 tháng 12 năm 2024. Tại cơ quan điều tra, bị cáo N khai nhận ngoài hành vi bán trái phép chất ma túy thì bị cáo N còn có hành vi mua số lô, số đề của bị cáo Hoàng Văn K1. Kiểm tra điện thoại của bị cáo N, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an xác định bị cáo N đã mua các số lô, số đề của bị cáo K1 vào ngày 04 tháng 8 năm 2024. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an đã triệu tập bị cáo K1 đến trụ sở để làm việc.

Quá trình điều tra xác định được, trong thời gian từ ngày 28 tháng 7 năm 2023 đến ngày 15 tháng 12 năm 2024, bị cáo K1 đã bán số lô, số đề trực tiếp qua điện thoại và qua các ứng dụng mạng xã hội Messenger, Zalo cho nhiều người. Cụ thể như sau:

1. Hành vi đánh bạc của bị cáo Hoàng Văn T1:

Bị cáo K1 sử dụng tài khoản Facebook tên “K H”, nhắn tin qua ứng dụng Messenger để bán các số lô, số đề cho bị cáo T1 qua tài khoản Facebook tên “H T”, cụ thể:

- Ngày 28 tháng 7 năm 2023, bị cáo T1 nhắn tin mua các số lô 69, 12, 07 mỗi số 30 điểm, tổng số tiền mua số lô là 2.025.000 đồng. Hôm đó, bị cáo T1 trúng 30 điểm số lô 12 được 2.400.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 4.425.000 đồng.

- Ngày 29 tháng 7 năm 2023, bị cáo T1 nhắn tin mua các số lô 03, 30, 20, 09, 19 mỗi số 20 điểm, tổng số tiền mua số lô là 2.250.000 đồng. Hôm đó, bị cáo T1 trúng 20 điểm số lô 03 được 1.600.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 3.850.000 đồng.

- Ngày 30 tháng 7 năm 2023, bị cáo T1 nhắn tin mua các số lô 79, 97, 34, 43, 69 mỗi số 20 điểm, tổng số tiền mua số lô là 2.250.000 đồng. Hôm đó, bị cáo T1 trúng 20 điểm số lô số 43 và 20 điểm số lô số 69, tổng số tiền trúng thưởng được 3.200.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 5.450.000 đồng.

- Ngày 31 tháng 7 năm 2023, bị cáo T1 nhắn tin mua các số lô 47, 74, 62, 34, 20, 60 mỗi số 20 điểm, tổng số tiền mua số lô là 2.700.000 đồng. Hôm đó, bị cáo T1 trúng 20 điểm số lô 60 được 1.600.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 4.300.000 đồng.

- Ngày 01 tháng 8 năm 2023, bị cáo T1 nhắn tin mua các số lô 47, 74, 78, 87 mỗi số 25 điểm, tổng số tiền mua số lô là 2.250.000 đồng. Hôm đó, bị cáo T1 trúng 25 điểm số lô 74 được 2.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 4.250.000 đồng.

- Ngày 02 tháng 8 năm 2023, bị cáo T1 nhắn tin mua các số lô 02, 12 mỗi số 40 điểm; số lô 48 bằng 20 điểm, tổng là 100 điểm, hết 2.250.000 đồng. Hôm đó, bị

cáo T1 trúng số lô 02, 12 mỗi con 40 điểm được 6.400.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 8.650.000 đồng.

- Ngày 03 tháng 8 năm 2023, bị cáo T1 nhắn tin mua các số lô 71, 81 mỗi số 30 điểm; các số lô 08, 80 mỗi số 20 điểm, tổng số tiền mua số lô là 2.250.000 đồng. Hôm đó, bị cáo T1 trúng 20 điểm số lô 08 được 1.600.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 3.850.000 đồng.

- Ngày 04 tháng 8 năm 2023, bị cáo T1 nhắn tin mua các số lô 80, 81 mỗi số 40 điểm; các số lô 04, 40 mỗi số 20 điểm, tổng số tiền mua số lô là 2.700.000 đồng. Hôm đó, bị cáo T1 không trúng.

- Ngày 05 tháng 8 năm 2023, bị cáo T1 nhắn tin mua các số lô 80, 81 mỗi số 30 điểm; các số lô 18, 46 mỗi số 20 điểm; số đề 26, 46 mỗi số 50.000 đồng, tổng số tiền mua số đề, số lô là 2.350.000 đồng. Hôm đó, bị cáo T1 không trúng số lô, số đề nào.

- Ngày 06 tháng 8 năm 2023, bị cáo T1 nhắn tin mua các số lô 02, 20, 46, 64, 80, 81 mỗi số 20 điểm, tổng số tiền mua số lô là 2.700.000 đồng. Hôm đó, bị cáo T1 trúng 20 điểm số lô 20 được 1.600.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 4.300.000 đồng.

- Ngày 07 tháng 8 năm 2023, bị cáo T1 nhắn tin mua các số lô 17, 71 mỗi số 40 điểm; các lô 79, 97 mỗi số 20 điểm, tổng số tiền mua số lô là 2.700.000 đồng. Hôm đó, bị cáo T1 trúng 20 điểm số lô 79 được 1.600.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 4.300.000 đồng.

- Ngày 27 tháng 9 năm 2024, bị cáo T1 nhắn tin mua các số lô 30, 17 mỗi số 20 điểm, tổng số tiền mua là 900.000 đồng. Hôm đó, bị cáo T1 trúng 20 điểm số lô 17 được 1.600.000 đồng. Tổng tiền đánh bạc là 2.500.000 đồng.

- Ngày 29 tháng 9 năm 2024, bị cáo T1 nhắn tin mua số đề tổng số tiền mua là 300.000 đồng. Hôm đó, bị cáo T1 không trúng.

- Ngày 05 tháng 10 năm 2024, bị cáo T1 nhắn tin mua số lô, số đề tổng số tiền mua là 800.000 đồng. Hôm đó, bị cáo T1 không trúng.

- Ngày 14 tháng 11 năm 2024, bị cáo T1 nhắn tin mua số lô, đề tổng số tiền mua là 1.180.000 đồng. Hôm đó, bị cáo T1 không trúng.

- Ngày 22 tháng 11 năm 2024, bị cáo T1 nhắn tin mua số đề tổng số tiền mua là 150.000 đồng. Hôm đó, bị cáo T1 không trúng.

- Ngày 23 tháng 11 năm 2024, bị cáo T1 nhắn tin mua các số lô 14, 41 mỗi số 10 điểm, tổng số tiền mua số lô là 450.000 đồng. Hôm đó, bị cáo T1 không trúng.

- Ngày 24 tháng 11 năm 2024, bị cáo T1 nhắn tin mua số lô 75 là 50 điểm, số lô 57 là 30 điểm, tổng số tiền mua số lô là 1.800.000 đồng. Hôm đó, bị cáo T1 không trúng.

- Ngày 25 tháng 11 năm 2024, bị cáo T1 nhắn tin mua các số lô 19, 29 mỗi số 30 điểm, tổng số tiền mua là 1.350.000 đồng. Hôm đó, bị cáo T1 không trúng.

Tất cả các lần đánh bạc trên thì bị cáo T1 và bị cáo K1 chưa thanh toán với nhau lần nào.

2. Hành vi đánh bạc của bị cáo Triệu Đình H:

Bị cáo K1 sử dụng tài khoản Zalo tên “H” đăng ký bằng số điện thoại 0977586861 để bán các số lô, số đề cho bị cáo H qua tài khoản Zalo tên “H C” đăng ký bằng số điện thoại 0975808058 của bị cáo H, cụ thể như sau:

- Ngày 10 tháng 12 năm 2024, bị cáo H nhắn tin mua các số lô, số đề, tổng số tiền mua là 1.365.000 đồng và không trúng.

- Ngày 11 tháng 12 năm 2024, bị cáo H nhắn tin mua các số lô 68, 76 mỗi số 25 điểm; số đề 45, 65 mỗi số 25.000 đồng; số đề 75 là 50.000 đồng; tổng số tiền mua số lô, số đề là 1.225.000 đồng. Hôm đó, bị cáo H trúng 50 điểm số lô 76 (về 02 lần) được 4.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 5.225.000 đồng.

- Ngày 12 tháng 12 năm 2024, bị cáo H nhắn tin mua các số lô 23, 50, 63 mỗi số 15 điểm; số lô 23 là 10 điểm; số đề 32, 35 mỗi số 50.000 đồng; tổng số tiền mua số lô, số đề là 1.337.500 đồng. Hôm đó, bị cáo H trúng 15 điểm số lô 50 và 50.000 đồng số đề 32 được 5.200.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 6.537.000 đồng.

- Ngày 13 tháng 12 năm 2024, bị cáo H nhắn tin mua các số lô 45, 60, 85 mỗi số 15 điểm; các số đề 14, 45, 85 mỗi số 30.000 đồng; các số lô 32, 23 mỗi số 05 điểm; tổng số tiền mua số lô, số đề là 1.552.000 đồng. Hôm đó, bị cáo H trúng các số lô 45, 85 mỗi số 15 điểm, được 2.400.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 3.952.500 đồng.

- Ngày 14 tháng 12 năm 2024, bị cáo H nhắn tin mua các số lô 09, 38, 96 mỗi số 15 điểm; các số đề 21, 23 mỗi số 50.000 đồng; tổng số tiền mua số lô, số đề là 1.112.500 đồng. Hôm đó, bị cáo H trúng các số lô 09, 38, 96 mỗi số 15 điểm, được số tiền là 3.600.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 4.712.000 đồng.

Các lần đánh bạc trên thì bị cáo K1 mới trả cho bị cáo H 4.000.0000 đồng, còn lại bị cáo K1 vẫn đang nợ bị cáo H. Còn bị cáo H chưa trả tiền mua số lô, số đề cho bị cáo K1.

3. Hành vi đánh bạc của bị cáo Trần Thành Đ:

Bị cáo K1 sử dụng tài khoản Facebook tên “K H” nhắn tin qua ứng dụng Messenger để bán các số lô, số đề cho bị cáo Đ qua tài khoản Facebook tên “Đ P”, cụ thể như sau:

- Ngày 01 tháng 9 năm 2024, bị cáo Đ mua số lô, số đề của bị cáo K1 với tổng

số tiền là 650.000 đồng. Hôm đó, bị cáo Đ không trúng và chưa thanh toán với bị cáo K1.

- Ngày 06 tháng 9 năm 2024, bị cáo Đ nhắn tin mua các số lô 80, 84, 12, 14 mỗi số 100 điểm; số đề 28, 38, 29 mỗi số 50.000 đồng, tổng số tiền mua số lô, số đề là 9.150.000 đồng. Hôm đó, bị cáo Đ trúng 100 điểm số lô 14 được 8.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh và trúng là 17.150.000 đồng. Bị cáo K và bị cáo Đ đã thanh toán xong với nhau tiền đánh bạc qua tài khoản ngân hàng.

4. Hành vi đánh bạc của bị cáo Hoàng Văn Q:

Bị cáo K sử dụng tài khoản Facebook tên “K H” nhắn tin qua ứng dụng Messenger để bán các số lô, số đề cho bị cáo Q qua tài khoản Facebook tên “H Q”, cụ thể như sau:

- Ngày 31 tháng 3 năm 2024, bị cáo Q mua 50.000 đồng tiền số lô, số đề và không trúng.

- Ngày 03 tháng 4 năm 2024, bị cáo Q mua 900.000 đồng tiền số lô, số đề và không trúng.

- Ngày 04 tháng 4 năm 2024, bị cáo Q mua 975.000 đồng tiền số lô, số đề. Hôm đó, bị cáo Q trúng được 1.600.000 đồng tiền đề. Tổng số tiền đánh bạc là 2.575.000 đồng.

- Ngày 07 tháng 4 năm 2024, bị cáo Q mua các số lô 39, 44 mỗi số 20 điểm, tổng số tiền mua số lô là 900.000 đồng. Hôm đó, bị cáo Q trúng các số lô 39, 44 mỗi số 20 điểm, được 3.200.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 4.100.000 đồng.

- Ngày 09 tháng 4 năm 2024, bị cáo Q mua 1.450.000 đồng tiền số lô, số đề và không trúng.

- Ngày 16 tháng 4 năm 2024, bị cáo Q mua 70.000 đồng tiền số lô, số đề và không trúng.

- Ngày 17 tháng 4 năm 2024, bị cáo Q mua 600.000 đồng tiền số lô, số đề và không trúng.

- Ngày 15 tháng 5 năm 2024, bị cáo Q mua các số lô 57, 75 mỗi số 150 điểm, tổng số tiền mua số lô là 6.750.000 đồng. Hôm đó, bị cáo Q không trúng.

- Ngày 17 tháng 5 năm 2024, bị cáo Q mua số đề hết 900.000 đồng và không trúng.

- Ngày 19 tháng 5 năm 2024, bị cáo Q mua số đề hết 600.000 đồng và không trúng.

- Ngày 21 tháng 5 năm 2024, bị cáo Q mua số đề hết 2.150.000 đồng và không trúng.

- Ngày 26 tháng 5 năm 2024, bị cáo Q mua số đề hết 130.000 đồng và không trúng.

- Ngày 07 tháng 7 năm 2024, bị cáo Q mua số đề hết 2.025.000 đồng và không trúng.

- Ngày 05 tháng 4 năm 2024, bị cáo Q mua số đề hết 350.000 đồng và không trúng.

- Ngày 23 tháng 4 năm 2024, bị cáo Q mua số đề hết 900.000 đồng và không trúng.

- Ngày 10 tháng 5 năm 2024, bị cáo Q mua số đề hết 300.000 đồng và không trúng.

- Ngày 23 tháng 7 năm 2024, bị cáo Q mua số lô 88 là 10 điểm, số đề 88 là 20.000 đồng, số lô 46 là 40 điểm, số lô 64 là 30 điểm, tổng số tiền mua số lô, số đề là 1.820.000 đồng. Hôm đó, bị cáo Q trúng 30 điểm số lô 64 được 2.400.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 4.220.000 đồng.

Tất cả các lần đánh bạc trên thì bị cáo K1 và bị cáo Q đều đã thanh toán hết với nhau.

5. Hành vi đánh bạc của bị cáo Nguyễn Thị T2:

Bị cáo K1 sử dụng tài khoản Zalo tên “H” đăng ký bằng số điện thoại 0977586861 chuyển các số lô, số đề cho bị cáo T2 qua tài khoản Zalo tên “T T” đăng ký bằng số điện thoại 0974780212 của bị cáo T2. Bị cáo K1 và bị cáo T2 thống nhất: Sau khi bị cáo K1 chuyển các số lô, số đề cho bị cáo T2 cùng giá tiền và số điểm thì sau khi có kết quả xổ số miền Bắc, bị cáo K1 và bị cáo T2 sẽ chốt tiền số lô, tiền số đề với nhau, tiền thắng được bao nhiêu, rồi thu hồi lại các tin nhắn về số lô, số đề cùng giá tiền.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024, bị cáo K1 chuyển cho bị cáo T2 các số đề với tổng tiền là 1.360.000 đồng và các số lô với tổng số tiền là 3.815.000 đồng, tổng là 5.175.000 đồng. Sau khi có kết quả xổ số miền Bắc, bị cáo K1 trúng được các số lô, số đề với tổng số tiền là 6.800.000 đồng (bị cáo K1 không nhớ rõ đã chuyển cho bị cáo T2 các số lô, số đề, cùng giá tiền cụ thể như thế nào). Tổng số tiền đánh bạc là 11.975.000 đồng, trừ đi gốc thì bị cáo T2 còn nợ bị cáo K1 1.625.000 đồng.

Về việc thanh toán tiền mua số lô, số đề thì bị cáo K1 và bị cáo T2 thống nhất cứ thắng thua trên 5.000.000 đồng sẽ thanh toán với nhau qua số tài khoản ngân hàng 3211236050587, mở tại ngân hàng A chi nhánh huyện V tên Nguyễn Thị T2 và tài khoản ngân hàng số 8880116091988, mở tại ngân hàng M chi nhánh Nam Định tên Hoàng Văn K1. Trước đó, bị cáo K1 có chuyển các số lô, số đề cho bị cáo T2, bị cáo T2 chỉ nhớ bị cáo K1 chuyển khoảng 15 đến 20 điểm lô, có hôm trúng nhiều nhất được 2.000.000 đồng. Trước đó, bị cáo K1 và bị cáo T2 có khi thanh toán tiền mặt với nhau, có khi chuyển tiền qua tài khoản cho nhau để lấy tiền mặt.

Các số lô, số đề bị cáo K1 chuyển cho bị cáo T2 thì bị cáo T2 trực tiếp giữ lại tính thắng thua với bị cáo K1 và không chuyển cho bất kỳ ai.

6. Hành vi đánh bạc của bị cáo Hoàng Thành N:

Bị cáo K1 sử dụng tài khoản Facebook tên “K H” nhắn tin qua ứng dụng Messenger để bán các số lô, số đề cho bị cáo N qua tài khoản Facebook tên “T N”, cụ thể: Ngày 04 tháng 8 năm 2024, bị cáo N nhắn tin mua số lô 82 là 10 điểm; số lô 29, 92 mỗi số 20 điểm; số đề 82 là 50.000 đồng; số đề 48, 84 mỗi số 60.000 đồng, tổng số tiền mua là 1.295.000 đồng. Hôm đó, bị cáo N trúng 40 điểm số lô 29 (về hai lần), trúng 10 điểm số lô 82, tổng số tiền trúng là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 5.295.000 đồng. Sau khi trừ đi tiền gốc và nợ khác thì bị cáo K1 đã trả cho bị cáo N số tiền 2.300.000 đồng qua số tài khoản ngân hàng 0979097087, chủ tài khoản tên Hoàng Thành N, mở tại ngân hàng M chi nhánh tỉnh Nam Định.

7. Hành vi đánh bạc của bị cáo Hoàng Giang S1:

Bị cáo K1 sử dụng tài khoản Facebook tên “K H” nhắn tin qua ứng dụng Messenger để bán các số lô, số đề cho bị cáo S1 qua tài khoản Facebook tên “G S”, cụ thể:

- Ngày 03 tháng 11 năm 2024, bị cáo S1 nhắn tin mua số lô 19 là 50 điểm, số tiền mua là 1.125.000 đồng. Hôm đó, bị cáo S1 không trúng.

- Ngày 08 tháng 11 năm 2024, bị cáo S1 nhắn tin mua số lô 44 là 50 điểm, số đề 32 là 50.000 đồng, tổng số tiền mua số lô, số đề là 1.175.000 đồng. Hôm đó, bị cáo S1 trúng 50 điểm số lô 44 được số tiền là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 5.175.000 đồng. Bị cáo K1 và bị cáo S1 đã thanh toán hết với nhau.

- Ngày 08 tháng 12 năm 2024, bị cáo S1 nhắn tin mua số lô 27 là 70 điểm, số tiền mua là 1.575.000 đồng. Hôm đó, bị cáo S1 không trúng.

- Ngày 10 tháng 12 năm 2024, bị cáo S1 nhắn tin mua số lô 17 là 10 điểm; số đề 17, 71 mỗi số 50.000 đồng, tổng số tiền mua số lô, số đề là 325.000 đồng. Hôm đó, bị cáo S1 trúng 10 điểm số lô 17 được 800.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 1.125.000 đồng.

- Ngày 11 tháng 12 năm 2024, bị cáo S1 nhắn tin mua số lô 58 là 10 điểm; lô xiên hai các số 58, 89 là 50.000 đồng, tổng số tiền mua là 275.000 đồng. Hôm đó, bị cáo S1 trúng 10 điểm số lô 58; lô xiên hai các số 58, 89 bằng 50.000 đồng được 1.300.000 đồng. Tổng tiền đánh bạc là 1.575.000 đồng.

- Ngày 13 tháng 12 năm 2024, bị cáo S1 nhắn tin mua số lô xiên hai (39, 27) là 50.000 đồng. Hôm đó, bị cáo S1 không trúng.

8. Hành vi đánh bạc của bị cáo Triệu Quốc K2:

Bị cáo K2 sử dụng số điện thoại 0973210784 để nhắn tin vào số điện thoại

0977586861 của bị cáo K1 để mua các số lô, số đề, cụ thể như sau:

- Ngày 12 tháng 12 năm 2024, bị cáo K2 nhắn tin mua các số đề với số tiền là 400.000 đồng. Hôm đó, bị cáo K2 trúng được 20.000 đồng số đề 32 được 1.600.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 2.000.000 đồng.

- Ngày 14 tháng 12 năm 2024, bị cáo K2 nhắn tin mua số lô 69, 96 mỗi số 50 điểm, tổng cộng số tiền mua số lô là 2.250.000 đồng. Hôm đó, bị cáo K2 trúng số lô 69, 96 mỗi số 50 điểm được 8.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 10.250.000 đồng.

- Ngày 15 tháng 12 năm 2024, bị cáo K2 nhắn tin mua số lô 31 là 50 điểm với tổng số tiền là 1.125.000 đồng. Hôm đó, bị cáo K2 không trúng. Tổng số tiền đánh bạc là 1.125.000 đồng.

Tiền thắng thua thì bị cáo K2 và bị cáo K1 chưa thanh toán cho nhau ngày nào.

9. Hành vi đánh bạc của bị cáo Hoàng Văn C:

Bị cáo C sử dụng số điện thoại 0867827626 để nhắn tin vào số điện thoại 0977586861 của bị cáo K1 để mua các số lô, số đề, cụ thể như sau:

- Ngày 19 tháng 10 năm 2024, bị cáo C nhắn tin mua số lô 86 là 300 điểm, tổng số tiền mua số lô là 6.750.000 đồng. Hôm đó, bị cáo C không trúng. Tổng số tiền đánh bạc là 6.750.000 đồng.

- Ngày 05 tháng 12 năm 2024, bị cáo C nhắn tin mua số lô 03 là 120 điểm, tổng số tiền mua là 2.700.000 đồng. Hôm đó, bị cáo C không trúng. Tổng số tiền đánh bạc là 2.700.000 đồng.

Tiền thắng thua thì bị cáo C và bị cáo K1 chưa thanh toán cho nhau ngày nào.

10. Hành vi đánh bạc của bị cáo Trần Văn S2:

Bị cáo K1 sử dụng tài khoản Facebook tên “K H” nhắn tin qua ứng dụng Messenger để bán các số lô, số đề cho bị cáo S qua tài khoản Facebook tên “T S”, cụ thể như sau:

- Ngày 24 tháng 11 năm 2024, bị cáo S2 nhắn tin mua số lô 71 là 100 điểm, tổng số tiền mua là 2.250.000 đồng. Hôm đó, bị cáo S2 không trúng và đã thanh toán tiền mặt với bị cáo K1.

- Ngày 06 tháng 12 năm 2024, bị cáo S2 nhắn tin mua số lô 99 là 50 điểm hết 1.125.000 đồng. Hôm đó, bị cáo S2 trúng 50 điểm số lô 99 được số tiền là 4.000.000 đồng. Tổng số tiền đánh bạc là 5.125.000 đồng. Sau khi chốt thắng thua, bị cáo K1 và bị cáo S2 đã thanh toán với nhau qua tài khoản ngân hàng.

- Ngày 07 tháng 12 năm 2024, bị cáo S2 nhắn tin mua số lô 11 là 20 điểm, tổng số tiền mua là 450.000 đồng. Hôm đó, bị cáo S2 không trúng và đã thanh toán hết tiền với bị cáo K1.

Ngoài ra, bị cáo K1 còn bán số lô, số đề cho các đối tượng khác và chuyển một phần số lô, số đề cho Trần Huy P để hưởng tiền hoa hồng nhưng số tiền sử dụng đánh bạc không đủ yếu tố cấu thành tội đánh bạc nên đã bị xử phạt hành chính.

Quá trình đánh bạc dưới hình thức mua, bán số lô, số đề như nêu trên thì bị cáo K1 và các bị cáo thống nhất như sau:

Về hình thức chơi số đề: Người mua sẽ chọn một số tự nhiên bất kỳ gồm hai chữ số từ 00 đến 99 để mua, sau khi có kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng ngày hôm đó thì người mua đối chiếu với hai số cuối của giải đặc biệt, nếu trùng với hai số cuối giải đặc biệt thì người mua thắng và bị cáo K1 trả cho người mua được hưởng gấp 80 lần số tiền mà người mua đã bỏ ra mua số đề, còn nếu không trùng thì thua và mất số tiền đã bỏ ra mua số đề.

Về hình thức chơi số lô: Người mua sẽ chọn một số tự nhiên bất kỳ gồm hai chữ số từ 00 đến 99 để mua, so với hai số cuối cùng của 27 giải trong kết quả xổ số miền Bắc mở thưởng trong ngày hôm đó, người mua 01 điểm phải bỏ tiền ra số tiền là 22.500 đồng, nếu người mua trúng số lô thì bị cáo K1 phải thanh toán số tiền tương ứng 01 điểm là 80.000 đồng, nếu có nhiều giải có hai số cuối trùng với số mà người mua đã mua thì được nhân lên tương ứng với số lần trúng.

Về hình thức chơi số lô xiên hai, lô xiên ba, lô xiên bốn: Người chơi chọn hai số (lô xiên hai), ba số (lô xiên ba) hoặc bốn số (lô xiên bốn) bất kỳ từ số 00 đến số 99. Nếu hai số cuối cùng của các giải từ giải đặc biệt đến giải bảy ngày hôm đó trùng với cặp số người chơi đã chọn thì người chơi sẽ được hưởng số tiền tương ứng như sau: Lô xiên hai thì người chơi được hưởng số tiền gấp 10 lần số tiền người chơi đã đánh, lô xiên ba thì người chơi được hưởng số tiền gấp 40 lần số tiền người chơi đã đánh, lô xiên bốn thì người chơi được hưởng số tiền gấp 100 lần số tiền người chơi đã đánh.

Vật chứng thu giữ gồm có: Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y15A, màu xanh, bên trong gắn sim số thuê bao 0977586861 và sim số thuê bao 0836192388 của bị cáo K1. Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI1: 356738082838413 của bị cáo S2. Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, bên trong gắn sim số thuê bao 0973210784 của bị cáo K2. Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 12, màu xanh, bên trong gắn sim số thuê bao 0394274733 của bị cáo T1. Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu GOLY BASE 27 pro, màu xanh, bên trong gắn sim số thuê bao 0867877626 của bị cáo C. Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21s 2021, màu xanh, không số thuê bao của bị cáo H. Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng đồng, bên trong gắn sim số thuê bao 0968432996 của bị cáo S1.

Bản cáo trạng số 22/CT-VKSVB ngày 14 tháng 3 năm 2025, Viện Kiểm sát

nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định đã truy tố các bị cáo K1, T1, H, Đ, Q, T2, N, S1, K2, C và S2 về “Tội đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đều đã khai nhận hành vi đánh bạc được thua bằng tiền bằng hình thức mua số lô, số đề đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử: xét xử các bị cáo K1, T1, H, Đ, Q, T2, N, S, K2, C và S về “Tội đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo K từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo N từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo T1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo H từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo Đ từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo Q từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo T2 từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, bị cáo S1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i và s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo K2), Điều 36 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt: bị cáo K2 từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo C từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, bị cáo S1 từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo K2, C và S1. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự để tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước: một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y15A, bên trong gắn sim số thuê bao 0977586861 và sim số thuê bao 0836192388 của bị cáo K1; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, số IMEI1: 356738082838413 của bị cáo S; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, bên trong gắn sim số thuê bao 0973210784 của bị cáo K2; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 12, bên trong gắn sim số thuê bao 0394274733 của bị cáo T1; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu GOLY BASE 27 pro, bên trong gắn sim số thuê bao

0867877626 của bị cáo C; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21s 2021, không số thuê bao của bị cáo H; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, bên trong gắn sim số thuê bao 0968432996 của bị cáo S1 là công cụ phạm tội; truy thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo đánh bạc và số tiền thu lời bất chính từ việc đánh bạc như sau: bị cáo K1 số tiền là 48.695.000 đồng, bị cáo T1 số tiền là 4.500.000 đồng, bị cáo H số tiền là 5.337.500 đồng, bị cáo N số tiền số tiền là 4.000.000 đồng, bị cáo K2 số tiền là 2.250.000 đồng, bị cáo C số tiền là 6.750.000 đồng, bị cáo S1 số tiền là 4.000.000 đồng, bị cáo S2 số tiền là 4.000.000 đồng, bị cáo Đ số tiền là 8.000.000 đồng, bị cáo T2 số tiền là 6.800.000 đồng.

Các bị cáo nói lời sau cùng là đề nghị Hội đồng xét xử cho được hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vụ Bản, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo K1, T1, H, Đ, Q, T2, N, S1, K2, C và S2 không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với các chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ vụ án như: Biên bản làm việc, biên bản thu giữ vật chứng, lời khai của những người làm chứng, cũng như toàn bộ lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra. Từ các tình tiết, chứng cứ nêu trên đủ cơ sở kết luận: Từ ngày 28 tháng 7 năm 2023 đến ngày 15 tháng 12 năm 2024, bị cáo K1 đã 12 lần thực hiện hành vi đánh bạc; bị cáo T1 và H đã 02 lần thực hiện hành vi đánh bạc và các bị cáo Đ, Q, T2, N, S1, K2, C và S2 đã 01 lần đánh bạc bằng hình thức mua, bán số lô, số đề trái phép với số tiền các bị cáo sử dụng mỗi lần đánh bạc đều trên 5.000.000 đồng. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Do vậy, hành vi của các bị cáo đã phạm vào “Tội đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: Hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề trái phép của các bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh tại địa phương, xâm phạm đến trật tự an toàn công

cộng được pháp luật bảo vệ, hành vi này là nguy hiểm cho xã hội. Do vậy, hành vi đánh bạc của các bị cáo được xử lý bằng pháp luật hình sự mới có tác dụng giáo dục và phòng ngừa tệ nạn cờ bạc trong xã hội đang diễn ra ngày càng phức tạp, giữ gìn trật tự công cộng.

[4] Về nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo N, năm 2019, bị Công an huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh nhau gây thương tích; bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về “Tội bắt, giữ người trái pháp luật”; bị công an huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt hành chính về hành vi đánh nhau gây thương tích; ngày 17 tháng 4 năm 2025 bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt 02 năm 03 tháng tù về “Tội mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo T2 năm 2020 bị Công an xã Q, huyện V, tỉnh Nam Định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền về hành vi bán số lô, số đề nhưng đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn nên được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với bị cáo K1 đã nhiều lần thực hiện hành vi đánh bạc bán số lô, số đề cho các đối tượng khác, trong đó có 12 lần thực hiện hành vi đánh bạc trên 5.000.000 đồng nên không cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Xem xét trường hợp hai bị cáo T1 và H cũng nhiều lần thực hiện hành vi đánh bạc nhưng với vai trò là người mua số lô, số đề từ bị cáo K1, trong đó có 02 lần thực hiện hành vi đánh bạc trên 5.000.000 đồng, xét thấy nên cho hai bị cáo T1 và H cùng các bị cáo Đ, Q, T2, S1, K2, C và S2 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo K1, T1, H, Đ, Q, T2, N, S1, K2, C và S2 đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo T1, H và K2 có hoàn cảnh gia đình khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận nên xem xét cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo K1, T1 và H trong vụ án này đã đánh bạc từ 02 lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đ, Q, T2, N, S1, K2, C và S2 không phải chịu tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tính chất và mức độ tham gia của các bị cáo trong vụ án: Trong vụ án này, bị cáo K1 là người bán số lô, số đề trái phép cho nhiều người, trong nhiều ngày, số tiền đánh bạc lớn nhất nên giữ vai trò chính; các bị cáo T1 và H đánh bạc nhiều lần nên giữ vai trò thứ hai; các bị cáo Đ, Q, T2 và K2 số tiền đánh bạc lớn hơn so với các bị cáo còn lại nên giữ vai trò thứ ba; các bị cáo N, S1, C và S2 giữ vai trò còn lại thứ yếu trong vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ vào số tiền, số lần phạm tội để cá thể hóa trách nhiệm hình sự và có mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo.

[6] Về hình phạt: Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với bị cáo K1 giữ vai trò chính; bị cáo N nhân thân xấu, đang bị tạm giam về tội mua bán trái phép chất ma túy. Do vậy, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly hai bị cáo K1 và N ra khỏi đời sống xã hội một thời gian. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo K1 sẽ cân nhắc đến tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo T1, H, Đ, K2, Q, T2, C, S1 và S2 có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó có hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tính chất và mức độ của hành vi phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Các bị cáo T1, H và K2 còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Đ, Q, T2, S1, K2, C và S2 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng. Cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, vị trí, vai trò, nhân thân của các bị cáo xét thấy, không cần thiết phải áp dụng hình phạt cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà vẫn đảm bảo được sự nghiêm khắc của pháp luật và trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm. Đối với các bị cáo T1, H, Đ, T2, S1 và Q áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Đối với các bị cáo K2, C và S2 áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 của Bộ luật Hình sự quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 50 triệu đồng, do đó các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, điều kiện bản thân nhiều có khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về việc khấu trừ thu nhập: Tại khoản 3 Điều 36 của Bộ luật Hình sự quy định trong thời gian chấp hành án cải tạo không giam giữ, người bị kết án bị khấu trừ một phần thu nhập để sung quỹ Nhà nước. Nhưng xét thấy, các bị cáo K2, C và

S2 là lao động tự do nên được cho miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng: Đối với một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y15A, màu xanh, bên trong gắn sim số thuê bao 0977586861 và sim số thuê bao 0836192388; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI 1: 356738082838413; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, bên trong gắn sim số thuê bao 0973210784; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 12, màu xanh, bên trong gắn sim số thuê bao 0394274733; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu GOLY BASE 27 pro, màu xanh, bên trong gắn sim số thuê bao 0867877626; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21s 2021, màu xanh, không số thuê bao; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng đồng, bên trong gắn sim số thuê bao 0968432996. Đây là công cụ các bị cáo sử dụng liên lạc với nhau để mua, bán số lô, số đề. Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[9] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, đối với số tiền các bị cáo có được từ việc mua bán số lô, số đề đây là khoản thu lời bất chính từ việc phạm tội thì cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Số tiền thu lời bất chính này chưa thu giữ được, do vậy cần phải buộc các bị cáo phải nộp lại để sung vào ngân sách Nhà nước, cụ thể như sau: bị cáo K1 số tiền là 48.695.000 đồng, bị cáo T1 số tiền là 4.500.000 đồng, bị cáo H số tiền là 5.337.500 đồng, bị cáo N số tiền số tiền là 4.000.000 đồng, bị cáo K2 số tiền là 2.250.000 đồng, bị cáo C số tiền là 6.750.000 đồng, bị cáo S1 số tiền là 4.000.000 đồng, bị cáo S2 số tiền là 4.000.000 đồng, bị cáo Đ số tiền là 8.000.000 đồng và bị cáo T2 số tiền là 6.800.000 đồng.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn K1, Hoàng Văn T1, Triệu Đình H, Trần Thành Đ, Hoàng Văn Q, Nguyễn Thị T2, Hoàng Thành N, Hoàng Giang S1, Triệu Quốc K2, Hoàng Văn C và Trần Văn S2 phạm “Tội đánh bạc”.

1.1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn K1 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi chấp hành án và được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (từ ngày 17 tháng 12 năm 2024 đến ngày 23 tháng 01 năm 2025).

1.2. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Thành N 06 (sáu) tháng tù. (Bị cáo N đang bị tạm giam về “Tội mua bán trái phép chất ma túy” theo Bản án số 19/2025/HSST ngày 17 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định).

1.3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i và s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn T1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Triệu Đình H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

1.4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i và s khoản 1 Điều 51, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Trần Thành Đ 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn Q 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T2 07 (bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 14 (mười bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Giang S1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 (mười hai) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Hoàng Văn T1, Triệu Đình H, Trần Thành Đ, Hoàng Văn Q và Hoàng Giang S1 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Giao bị cáo Nguyễn Thị T2 cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Trong trường hợp các bị cáo Hoàng Văn T1, Triệu Đình H, Trần Thành Đ, Hoàng Văn Q, Nguyễn Thị T2 và Hoàng Giang S1 vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Nếu các bị cáo Hoàng Văn T1, Triệu Đình H, Trần Thành Đ, Hoàng Văn Q, Nguyễn Thị T2 và Hoàng Giang S1 vi phạm nghĩa vụ của người được hưởng án treo quy định tại khoản 1 Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự; và trong thời gian thử thách của án treo, các bị cáo T1, H, Đ, Q, T2 và S1 cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo T1, H, Đ, Q, T2 và S1 phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo quy định tại Điều 93 của Luật Thi hành án hình sự.

1.5. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, các điểm i và s khoản 1 Điều 51 (áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo Triệu Quốc K2), Điều 36, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Triệu Quốc K2 01 (một) năm 03 (ba) tháng cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Hoàng Văn C 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn S2 01 (một) năm cải tạo không giam giữ.

Giao các bị cáo Triệu Quốc K2, Hoàng Văn C và Trần Văn S2 cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục. Thời hạn bắt đầu chấp hành án tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Nam Định nhận được quyết định thi hành án.

Trong trường hợp các bị cáo Triệu Quốc K2, Hoàng Văn C và Trần Văn S2 vắng mặt, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại các khoản 1 và 2 Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Triệu Quốc K2, Hoàng Văn C và Trần Văn S2.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

2.1. Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước:

Một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y15A, màu xanh, bên trong gắn sim số thuê bao 0977586861 và sim số thuê bao 0836192388 của bị cáo Hoàng Văn K1; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X, màu trắng, số IMEI: 356738082838413 của bị cáo Trần Văn S2; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, bên trong gắn sim số thuê bao 0973210784 của bị cáo Triệu Quốc K2; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 12, màu xanh, bên trong gắn sim số thuê bao 0394274733 của bị cáo Hoàng Văn T1; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu GOLY BASE 27 pro, màu xanh, bên trong gắn sim số thuê bao 0867877626 của bị cáo Hoàng Văn C; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo Y21s 2021, màu xanh, không số thuê bao của bị cáo Triệu Đình H; một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus, màu vàng đồng, bên trong gắn sim số thuê bao 0968432996 của bị cáo Hoàng Giang S1.

(Vật chứng tịch thu của các bị cáo theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 24 tháng 02 năm 2025 giữa Công an huyện Vụ Bản và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vụ Bản, tỉnh Nam Định).

2.2. Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc chưa thu giữ được, cụ thể là: bị cáo Hoàng Văn K1 phải nộp lại số tiền

48.695.000 đồng (bốn mươi tám triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng), bị cáo Hoàng Văn T1 phải nộp lại số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm nghìn đồng), bị cáo Triệu Đình H phải nộp lại số tiền 5.337.500 đồng (năm triệu ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng), bị cáo Trần Thành Đ phải nộp lại số tiền 8.000.000 đồng (tám triệu đồng), bị cáo Nguyễn Thị T2 phải nộp lại số tiền 6.800.000 đồng (sáu triệu tám trăm nghìn đồng), bị cáo Triệu Quốc K2 phải nộp lại số tiền 2.250.000 đồng (hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng), bị cáo Hoàng Văn C phải nộp lại số tiền 6.750.000 đồng (sáu triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), bị cáo Hoàng Thành N phải nộp lại số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), bị cáo Hoàng Giang S1 phải nộp lại số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), bị cáo Trần Văn S2 phải nộp số tiền 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Hoàng Văn K1, Hoàng Văn T1, Triệu Đình H, Trần Thành Đ, Hoàng Văn Q, Nguyễn Thị T2, Hoàng Thành N, Hoàng Giang S1, Triệu Quốc K2, Hoàng Văn C và Trần Văn S2 mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo có quyền kháng cáo đối với bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vụ Bản;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định;
- Công an tỉnh Nam Định;
- Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vụ Bản;
- Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Nam Định.
- Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Đức Cường

